

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2025/HNGĐ – ST**

Ngày: 21 - 10 - 2025

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thiện;

2. Bà Trần Thị Chín;

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2025/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp: Ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Kim Ph, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: ấp 3, xã Tài L, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* anh Vũ Đức M, sinh năm: 1970

Nơi đăng ký thường trú: Tân Đ, phường Tân Th, Thành phố Đồng X, tỉnh Bình Phước (nay là Tân Đ, phường Bình Ph, tỉnh Đồng Nai)

Nơi cư trú: thôn 3, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 3 – Bom Bo, xã Bom Bo, tỉnh Đồng Nai)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N

Địa chỉ: số 2, Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, Thành phố Hà Nội (nay là số 2, phường Giảng V, TP. Hà Nội)

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Vũ Đức M tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ đầu năm 2006, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân X, thị xã Đồng X, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số đăng ký: 25, ngày 30/03/2006. Trong cuộc sống hôn nhân của chị và anh Vũ Đức M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là mỗi người một tính cách, phong tục tập quán khác nhau. Trong cuộc sống hôn nhân, anh Vũ Đức M rất gia trưởng, tất cả các công việc trong gia đình do mình chị lo toan nhưng vẫn bị anh Vũ Đức M mắng chửi. Chị bị bạo hành cả thể xác lẫn tinh thần. Năm 2024 vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng ly thân với nhau. Đến tháng 5 năm 2024 chị nhận thấy việc tiếp tục chung sống có thể gây nguy hiểm cho chị nên chị ra ở riêng cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh Vũ Đức M, nhận thấy mâu thuẫn đến nay lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức M.

Về con chung: chị và anh Vũ Đức M có 02 con chung tên là Vũ Thị Diệu Th, sinh ngày: 06/01/2007 và Vũ Đức Th, sinh ngày: 19/01/2014. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con cho đến khi hai con 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Đức M trình bày: anh thừa nhận lời khai của chị Trần Thị Kim Ph về việc đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, chị Ph vi phạm quy định về hôn nhân và gia đình là ngoại tình với ông Bòn. Khi bị anh bắt quả tang thì chị Ph không thừa nhận mà ngày 11/6/2024 chị Ph dẫn theo 02 con bỏ trốn với ông B. Từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị Trần Thị Kim Ph yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị Ph với điều kiện chị Ph bồi thường thiệt hại về các tài sản lấy trộm, tài sản bị hủy hoại và trả lại hiện trạng tài sản ban đầu cho anh.

Về con chung: anh và chị Trần Thị Kim Ph có 02 con chung tên là Vũ Thị Diệu Th, sinh ngày: 06/01/2007 và Vũ Đức Th, sinh ngày: 19/01/2014. Anh đồng ý giao hai con cho chị Trần Thị Kim Ph trực tiếp nuôi dưỡng hai con.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về trách nhiệm riêng: đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Ph bồi thường thiệt hại đối với việc chị Ph và ông B hủy hoại tài sản của anh; buộc chị Ph trả số tiền còn nợ của chi cục Thuế huyện Bù Đ, số tiền chị Ph còn nợ 100.000.000đ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Bù Đăng Bình Ph – phòng giao dịch Bom B và buộc chị Ph trả lại cho anh số tiền bán hàng hàng ngày, hàng năm, hàng tháng cất trong tủ, tiền trong tài khoản mà khách hàng chuyển vào tài khoản của chị Ph, chị Th và buộc chị Ph trả lại cho anh số nữ trang mà chị Ph đã trộm.

Tại phiên tòa, anh thừa nhận anh không còn yêu thương chị Trần Thị Kim Ph,

không có nguyện vọng chung sống với chị Trần Thị Kim Ph. Nay, chị Ph yêu cầu giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị Trần Thị Kim Ph và trước khi giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu chị Trần Thị Kim Ph trả nợ Ngân hàng.

Về trách nhiệm riêng: anh bổ sung thêm yêu cầu buộc chị Ph trả lại cho anh 01 chiếc xe đạp điện trị giá 15.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng trình bày: Hiện tại bà Trần Thị Kim Ph và ông Vũ Đức M đang vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Na - chi nhánh Bù Đăng Bình Ph – phòng giao dịch Bom B số tiền: 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 5606LAV202408189 ngày 22/10/2024, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là: 8,7%/ năm. Thời hạn vay là 12 tháng, ngày đến hạn trả nợ: 22/10/2025. Đã trả lãi 1 kỳ, số tiền lãi đã trả: 4.314.247 đồng. Khoản vay trên được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất số: CR 599862. Do chưa tới kỳ hạn trả nợ và bà Trần Thị Kim Ph và ông Vũ Đức M cũng chưa vi phạm hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Bù Đăng Bình Ph – phòng giao dịch Bom B không yêu cầu khách hàng thanh toán hợp đồng trước thời hạn. Nếu phát sinh vụ việc có liên quan tới hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N - chi nhánh Bù Đăng Bình Ph – phòng giao dịch Bom B sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Trường hợp Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai xét xử ly hôn giữa bà Trần Thị Kim Ph và ông Vũ Đức M khi phân chia tài sản thì ai nhận QSDĐ số CR 599862 có trách nhiệm trả hết nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim Ph về việc ly hôn với anh Vũ Đức M.

Về con chung: Giao Vũ Thị Diệu Th, sinh ngày: 06/01/2007 và Vũ Đức Th, sinh ngày: 19/01/2014 cho chị Trần Thị Kim Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Đối với yêu cầu của anh Vũ Đức M: do anh Vũ Đức M không nộp đơn phản tố, không nộp tạm ứng án phí nên không có cơ sở xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Ph và anh M đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân X, thị xã Đồng X, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số đăng ký: 25, ký ngày 30/03/2006. Lời khai của chị Ph, anh M phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 04). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh M là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Ph: quá trình giải quyết vụ án, chị Ph khai nhận trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do mỗi bên mỗi người một tính cách, phong tục tập quán khác nhau. Ngoài ra anh M có hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến thể xác và tinh thần của chị Ph. Nay chị Ph yêu cầu giải quyết ly hôn. Anh M không thừa nhận lời khai của chị Ph. Anh M khai nhận mâu thuẫn của vợ chồng là do chị Ph có mối quan hệ bất chính bên ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, anh M khai nhận anh đồng ý ly hôn với chị Ph với điều kiện chị Ph bồi thường thiệt hại về các tài sản lấy trộm, tài sản bị hủy hoại và trả lại hiện trạng tài sản ban đầu cho anh. Tại phiên tòa, anh M cũng khai nhận trước khi giải quyết ly hôn thì chị Ph phải trả vay tại Ngân hàng. Xét thấy, việc anh M không đồng ý ly hôn không phải xuất phát từ nguyện vọng mong muốn xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, từ tâm tư tình cảm của mình, mà vì lợi ích cá nhân khác buộc chị Ph tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân trái ý muốn thuộc trường hợp cản trở việc ly hôn được quy định tại khoản 10 Điều 3 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Mặt khác, mặc dù lời khai của chị Ph, anh M không thống nhất với nhau về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn. Tuy nhiên, cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/5/2024 cho đến nay. Tại phiên tòa, anh M thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với chị Ph, không có nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị Ph. Như vậy, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh M chị Ph lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph đối với anh M.

[4] Về con chung: chị Ph khai nhận chị và anh M có 02 con chung tên là Vũ Thị Diệu Th, sinh ngày: 06/01/2007 và Vũ Đức Th, sinh ngày: 19/01/2014. Lời khai của chị Ph, anh M phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Quá trình

giải quyết vụ án, anh M khai nhận Vũ Thị Diệu Th, sinh ngày: 06/01/2007 và Vũ Đức Th, sinh ngày: 19/01/2014 là con chung của anh và chị Ph. Tại phiên tòa, anh M khai nhận cháu Vũ Thị Diệu Thảo và cháu Vũ Đức Thiện không phải là con của anh M, anh đề nghị Tòa án xác định anh không phải là cha ruột của hai cháu. Tuy nhiên, anh M không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình. Đồng thời, anh M cũng không đồng ý yêu cầu trưng cầu giám định AND và xin rút lại yêu cầu xác định không phải là quan hệ cha con giữa anh và Vũ Thị Diệu Th và Vũ Đức Th nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về yêu cầu nói trên.

Xét việc nuôi dưỡng: cháu Vũ Đức Th (11 tuổi) còn nhỏ tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của cha hoặc mẹ. Chị Ph thừa nhận trong thời gian ly thân cháu do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Th cũng có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ph có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Anh M đồng ý giao cháu Th cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và tâm sinh lý, tôn trọng sự lựa chọn của cháu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu Th cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Thảo tính đến thời điểm xét xử thì cháu Th đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, không xem xét việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với cháu Th.

[5] Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng khai nhận hiện tại chị Trần Thị Kim Ph và anh Vũ Đức M đang vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N - chi nhánh Bù Đăng Bình Ph – phòng giao dịch Bom B số tiền: 100.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 5606LAV202408189 ngày 22/10/2024. Do chưa tới kỳ hạn trả nợ và chị Trần Thị Kim Ph và anh Vũ Đức M cũng chưa vi phạm hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N - chi nhánh Bù Đăng Bình Ph – phòng giao dịch Bom B không yêu cầu khách hàng thanh toán hợp đồng trước thời hạn. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng không nộp đơn yêu cầu độc lập về việc giải quyết số tiền vay 100.000.000đ, tiền lãi phát sinh tại Ngân hàng và xử lý tài sản bảo đảm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về khoản vay này.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Đức M nộp đơn phản tố ngày 23/7/2025 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Ph bồi thường thiệt hại làm hư hỏng, hủy hoại có giá trị 38.500.000đ và trả lại số tiền 100.000.000đ mà chị Ph đang cất giữ. Ngày 31/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 129/TB-TA. Tại phiên tòa, anh M xác nhận anh chưa nộp tạm ứng án phí theo nội dung Thông báo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết.

[8.2] Quá trình giải quyết, anh M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Ph bồi thường thiệt hại đối với việc chị Ph và ông Bòn hủy hoại tài sản của anh; buộc bà

Phụng trả số tiền còn nợ của chi cục Thuế huyện Bù Đ, số tiền chị Ph còn nợ 100.000.000đ của Ngân hàng Bóm B và buộc chị Ph trả lại cho anh số tiền bán hàng hàng ngày, hàng năm, hàng tháng cất trong tủ, tiền trong tài khoản mà khách hàng chuyển vào tài khoản của chị Ph, chị Th và buộc chị Ph trả lại cho anh số nữ trang mà chị Ph đã trộm. Ngày 17/9/2025 Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai giao cho anh M 01 Thông báo số 03/TB-TA về việc nộp đơn phản tố và các tài liệu, chứng cứ kèm theo ngày 17/9/2025. Tuy nhiên, anh M không thực hiện theo nội dung Thông báo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết.

[8.3] Tại phiên tòa, anh M yêu cầu bổ sung buộc chị Ph trả lại 01 chiếc xe đạp điện trị giá 15.000.000đ. Xét thấy, yêu cầu của anh M vượt quá phạm vi yêu cầu phản tố ban đầu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bổ sung nói trên.

[8.4] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Ph phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8.5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8.6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật và quan điểm giải quyết của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

- Căn cứ vào Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim Ph. Chị Trần Thị Kim Ph được ly hôn với anh Vũ Đức M

Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ký ngày 30/3/2006 của Ủy ban nhân dân xã phường Tân X, thị xã Đồng X, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao Vũ Đức Th, sinh ngày: 19/01/2014 cho chị Trần Thị Kim Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với Vũ Thị Diệu Th, sinh ngày: 06/01/2007 đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét, giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim Ph phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009773 lập ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là Thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Nai) *(đã nộp xong)*.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh